

Không phải thực hiện quy định về quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

7. Về dịch vụ môi trường rừng

Bổ sung quy định về điều tiết: Đối với diện tích rừng có số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng lớn hơn 2 lần mức hỗ trợ bình quân của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng, tùy theo đối tượng trên cùng địa bàn cấp tỉnh, UBND cấp



tỉnh quyết định mức điều tiết phù hợp cho diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng tại các lưu vực có số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng bình quân 01 ha từ thấp nhất trở lên.

Bổ sung danh mục cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước từ nguồn nước làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Luật Lâm nghiệp.

Quy định cụ thể về vị trí của các **đơn vị kinh doanh du lịch sinh thái nằm trong phạm vi khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng** của chủ rừng hoặc **có vị trí tiếp giáp với khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng**, UBND cấp tỉnh quyết định danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng.

8. Quy định chuyển tiếp

Quy định các trường hợp về quyết định chủ

trương chuyển mục đích sử dụng rừng đã được thực hiện và đang thực hiện trước ngày Nghị định số 91/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì được thực hiện theo quy định hiện hành hoặc theo quy định của Nghị định này.

Đối với cho thuê môi trường rừng đã ký hợp đồng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, thì được tiếp tục thực hiện theo thời gian của hợp đồng đã ký và nội dung quy định tại Nghị định này.

Đối với hồ sơ đề nghị giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển loại rừng, quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng đã được tiếp nhận, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện và hoàn thành trong thời gian 60 ngày kể từ ngày. Trường hợp không hoàn thành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.



MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 91/2024/NĐ-CP

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp viết tắt là Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/7/2024.

NỘI DUNG

- I. SỰ CẦN THIẾT
- II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ DẠO
- III. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

I. SỰ CẦN THIẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Nhiệm vụ được Chính phủ giao về xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước về lĩnh vực lâm nghiệp và phân cấp thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng.
- Luật Lâm nghiệp giao Chính phủ quy định chi tiết về Quy chế quản lý rừng, giao rừng, cho thuê rừng, chuyển loại rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng.
- Luật Đất đai năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Lâm nghiệp về nguyên tắc, căn cứ, điều kiện, thẩm quyền giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng.

2. Cơ sở thực tiễn

- Chưa có quy định về điều chỉnh diện tích và phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng, điều chỉnh diện tích khu rừng phòng hộ hoặc chuyển loại giữa các khu rừng đặc dụng.
- Việc triển khai giao rừng, cho thuê rừng rất khó khăn, do chưa thống nhất về thủ tục hành chính giữa giao đất, giao rừng, cho thuê đất, cho thuê rừng; quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng còn bất cập.



- Chưa có quy định cụ thể về lập, thẩm định, phê duyệt dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; diện tích được xây dựng các công trình phục vụ kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng; lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng.
- Chưa có danh mục cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nguồn nước từ rừng.
- Quy định chưa cụ thể xác định cơ sở kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí ngoài khu rừng phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng.
- Quy định điều phối tiền dịch vụ môi trường rừng từ cơ sở sản xuất thủy điện lưu vực liên tỉnh chưa thực sự hợp lý.

Lời cảm ơn

Văn phòng Chương trình Hỗ trợ quốc tế (ISG), Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Nông nghiệp và PTNT xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Cục Lâm nghiệp đã cung cấp thông tin và hỗ trợ thực hiện bản Tóm lược chính sách này.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Mục đích:

- Cụ thể hóa các quy định; điều chỉnh một số quy định hiện hành, giúp giải quyết vướng mắc, bổ sung quy định mới được thực tiễn kiểm nghiệm.
- Góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về lâm nghiệp.
- Tạo cơ sở pháp lý thực hiện Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.



2. Quan điểm:

- Bám sát quy định của Luật Lâm nghiệp, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với pháp luật chung có liên quan, như: Luật Đất đai, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng.
- Sửa đổi, bổ sung vướng mắc, bất cập từ thực tiễn: Quy chế quản lý rừng, giao rừng, cho thuê rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.
- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi để tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện.



III. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Bổ sung quy định về

- Điều chỉnh tăng, giảm diện tích khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; chuyển loại rừng đặc dụng; về tiêu chí, trình tự thủ tục điều chỉnh phân khu chức năng của rừng đặc dụng.



2. Về quản lý hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng

- Quy định cụ thể nội dung, trình tự phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng giải trí trong rừng;



phân cấp thẩm quyền phê duyệt ở địa phương từ UBND cấp tỉnh bằng Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

Bổ sung quy định nội dung, thủ tục, cách thức thực hiện, tính điểm. Chủ dự án thuê môi trường-grừng không phải thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng trên diện tích thuê môi trường.

- Quy định cụ thể về quản lý các hoạt động xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng: Hướng tới quản lý rừng bền vững, có sự kiểm soát chặt chẽ thống qua

- quy định về quy mô, tỷ lệ phần trăm được phép xây dựng công trình trong các loại rừng và từng phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng; đồng bộ với quy định pháp luật về đất đai và xây dựng trong cấp phép xây dựng.

3. Giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng



Quy định cụ thể, đầy đủ về trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng rừng cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để thống nhất, đồng bộ với trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất.

4. Chuyển loại rừng

Đối tượng phải xây dựng phương án chuyển loại rừng là các cơ quan, đơn vị nhà nước thay cho chủ rừng, cụ thể: UBND cấp huyện xây dựng phương án chuyển loại rừng đối với diện tích rừng của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, UBND cấp xã quản lý; S ở NN&PTNT xây dựng phương án chuyển loại rừng đối với diện tích rừng của chủ rừng là tổ chức, khu rừng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc UBND cấp tỉnh quản lý; VQG thuộc Bộ NN&PTNT xây dựng phương án chuyển loại rừng được giao quản lý.



Giảm thủ tục hành chính: từ 75 ngày => 50 ngày đối với trường hợp do địa phương phê duyệt; từ 45 ngày => 30 ngày đối với trường hợp do Bộ NN&PTNT phê duyệt.

5. Về quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (không còn cấp Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ; HĐND quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng gồm cả rừng tự nhiên và rừng trồng; không phân biệt về quy mô diện tích rừng để trình các cấp khác nhau).

Đối với dự án dự án đầu tư có đề xuất chuyển mục đích sử dụng rừng thuộc thẩm quyền chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, HĐND cấp tỉnh thì Văn bản chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu



tư dự án đồng thời là chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng của dự án.

Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đơn giản về hồ sơ, giảm thời gian thực hiện TTHC (từ 50 ngày xuống 35 ngày).

Quy định rõ tiêu chí dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên và mở rộng hơn về đối tượng (Bổ sung dự án Khu công nghiệp, cụm công nghiệp).

Bổ sung quy định mới về điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng.

6. Công trình kết cấu hạ tầng bảo vệ và phát triển rừng

Việc xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng phải phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững được cấp có thẩm quyền phê duyệt.